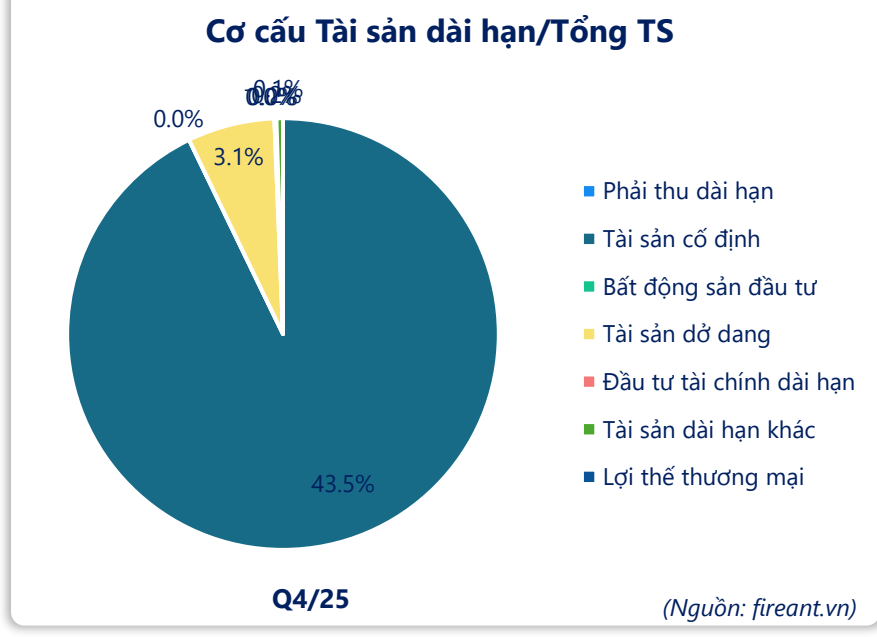
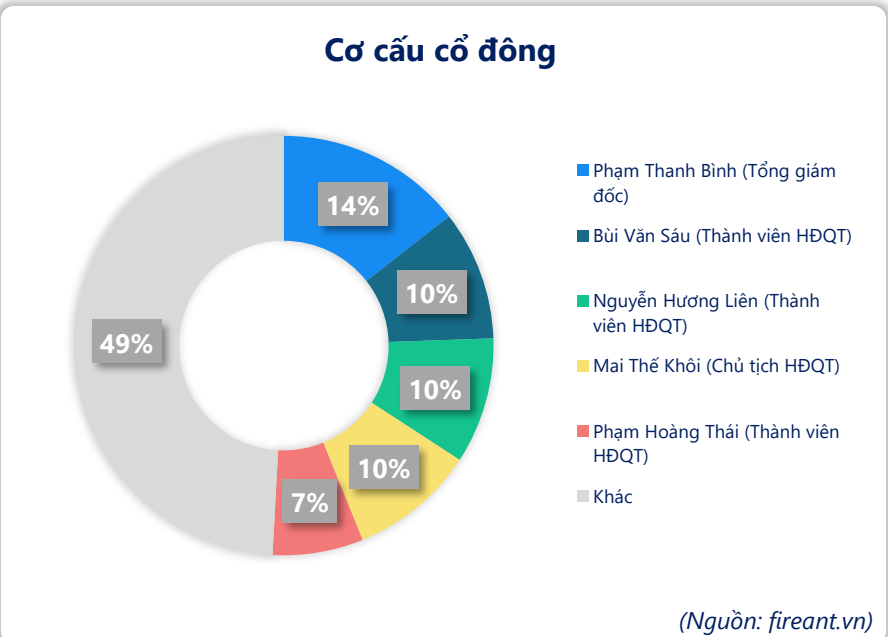
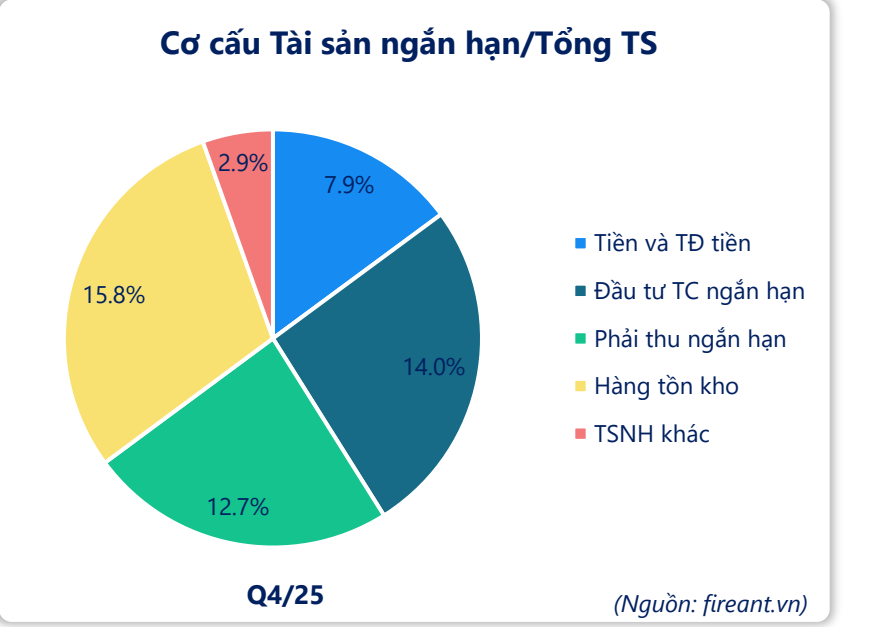
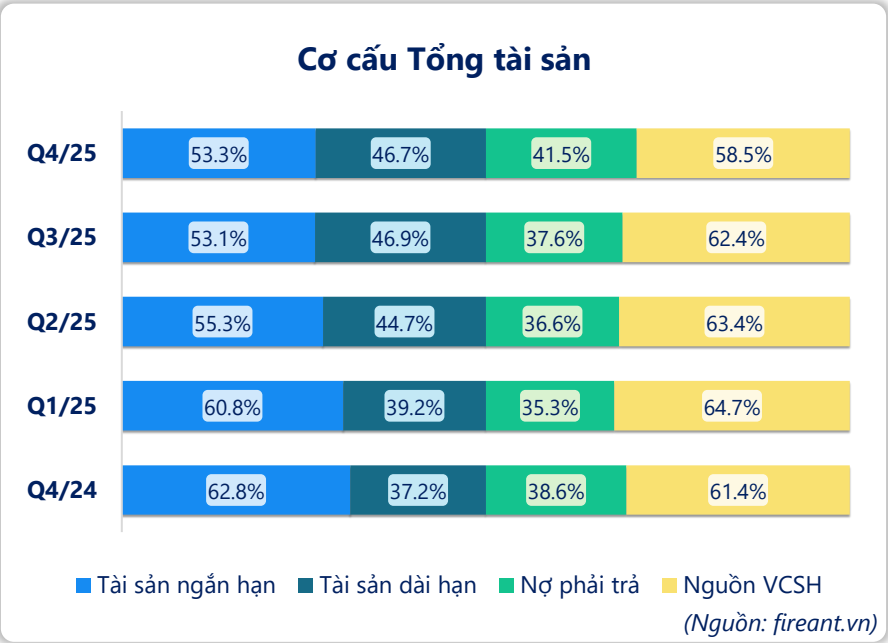
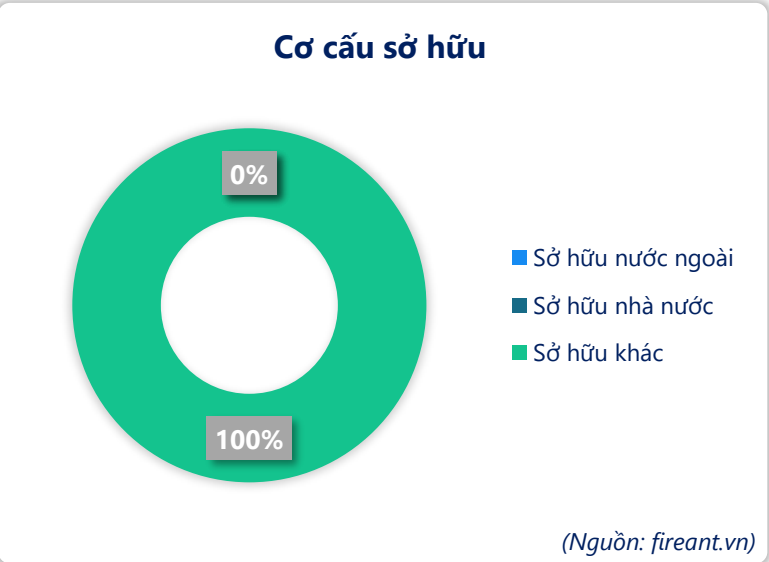
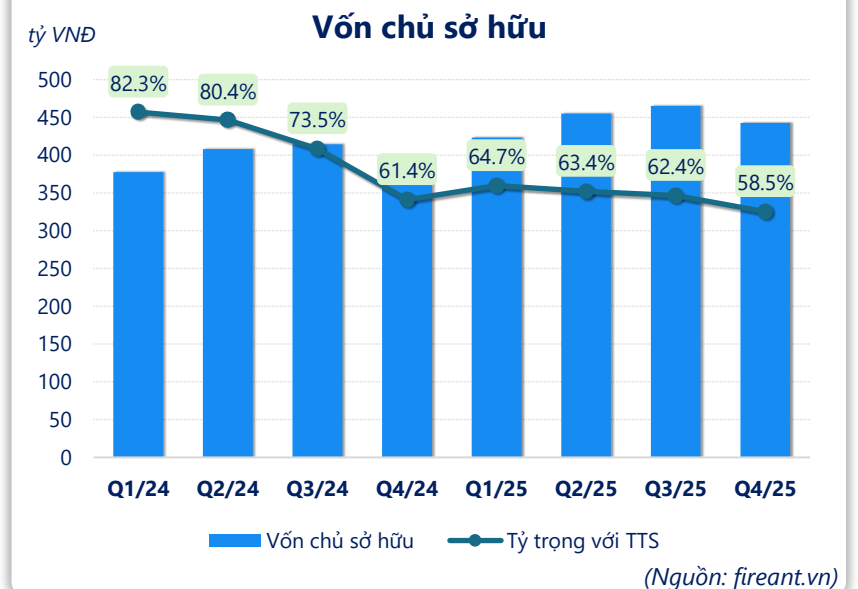
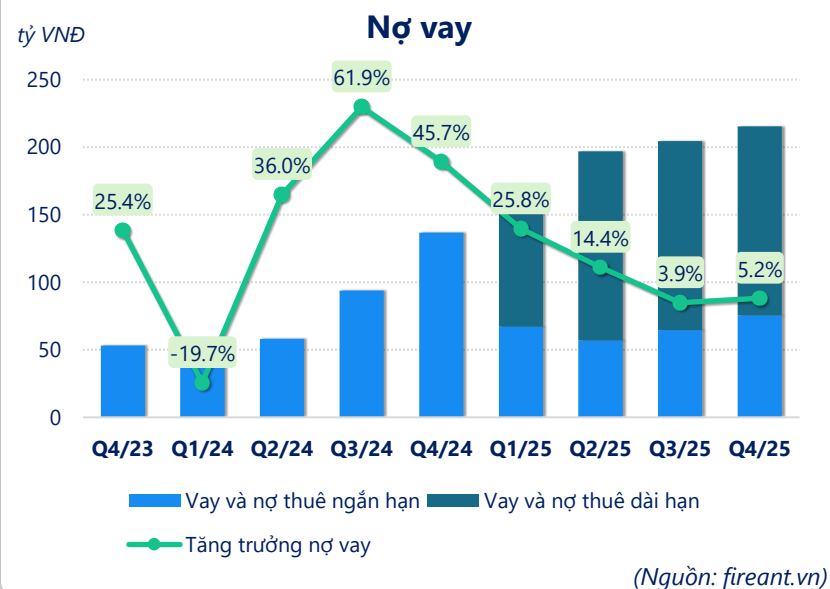
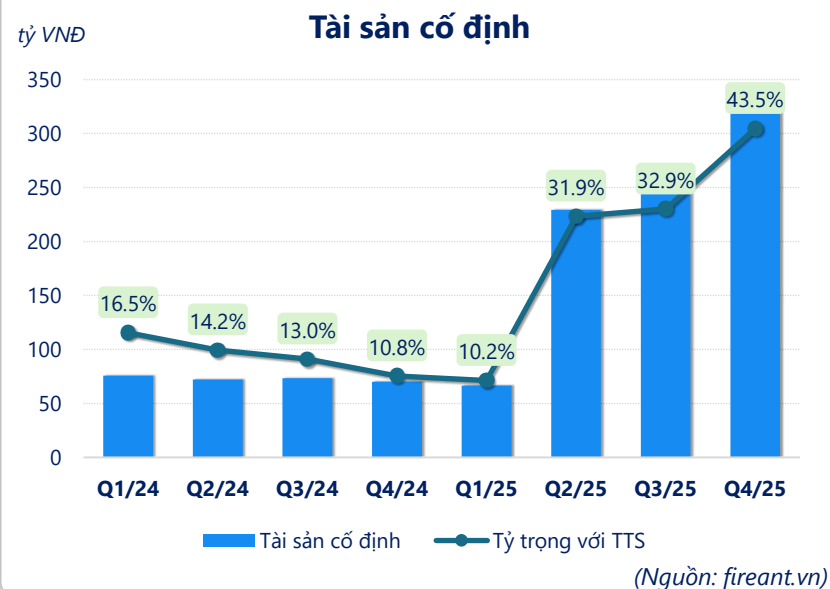
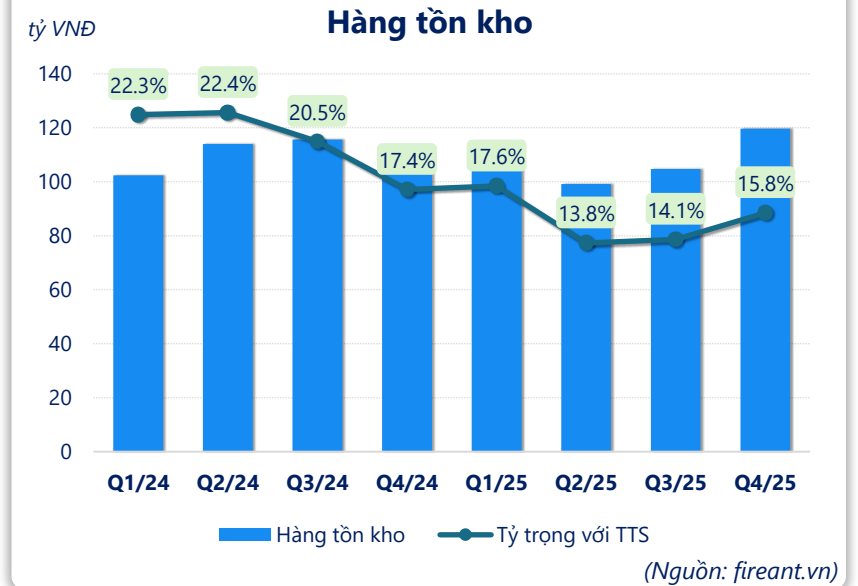
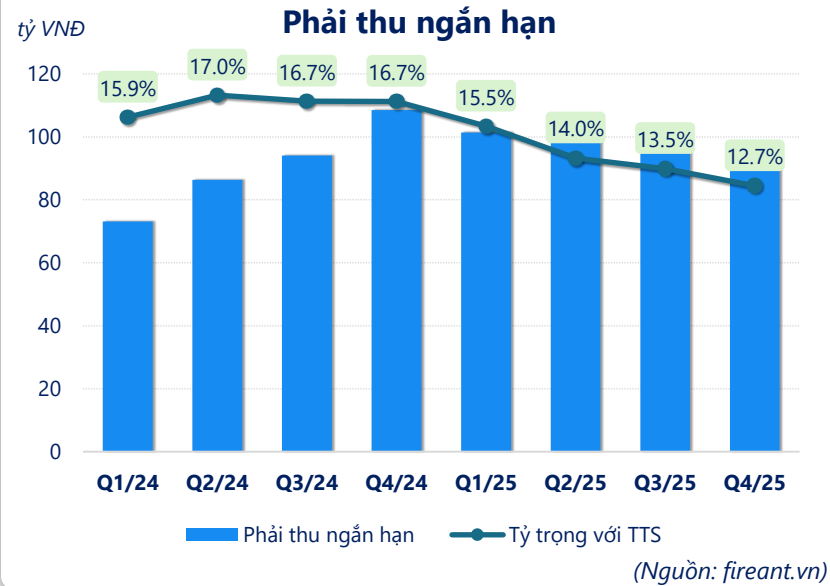
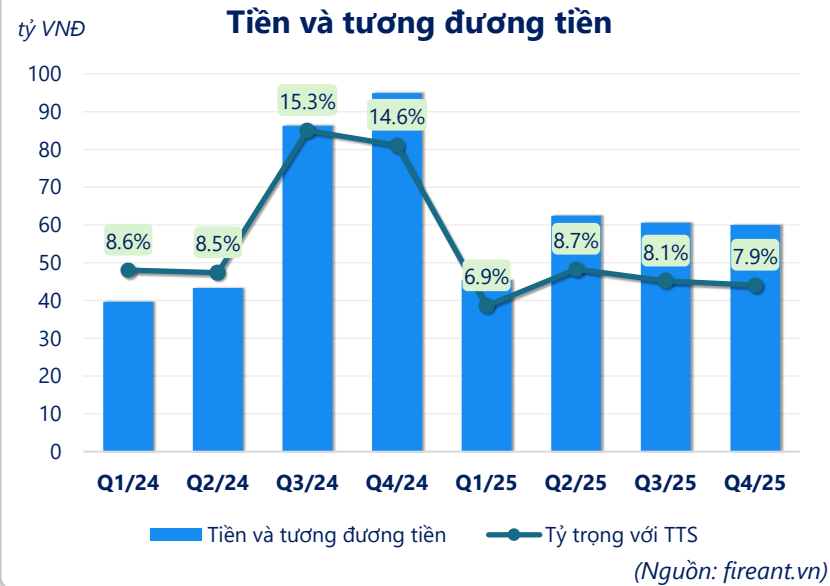
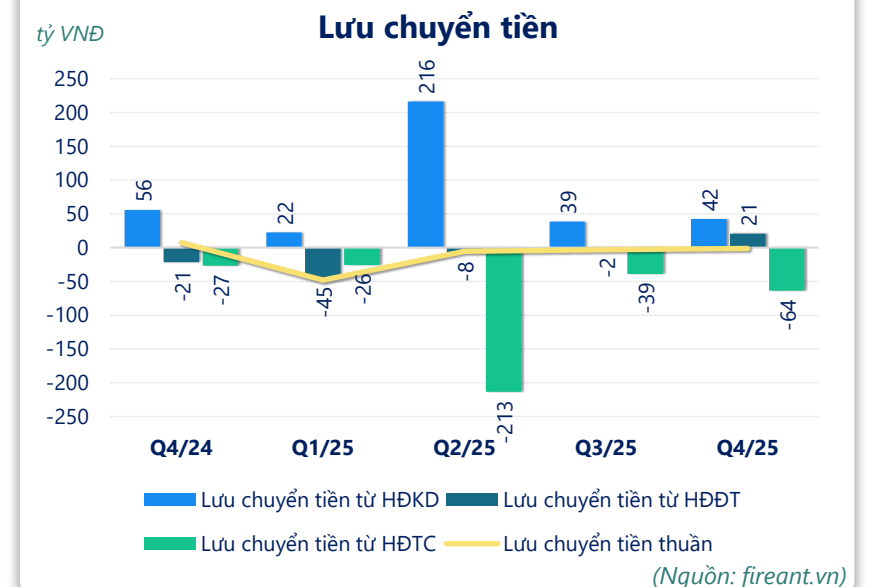
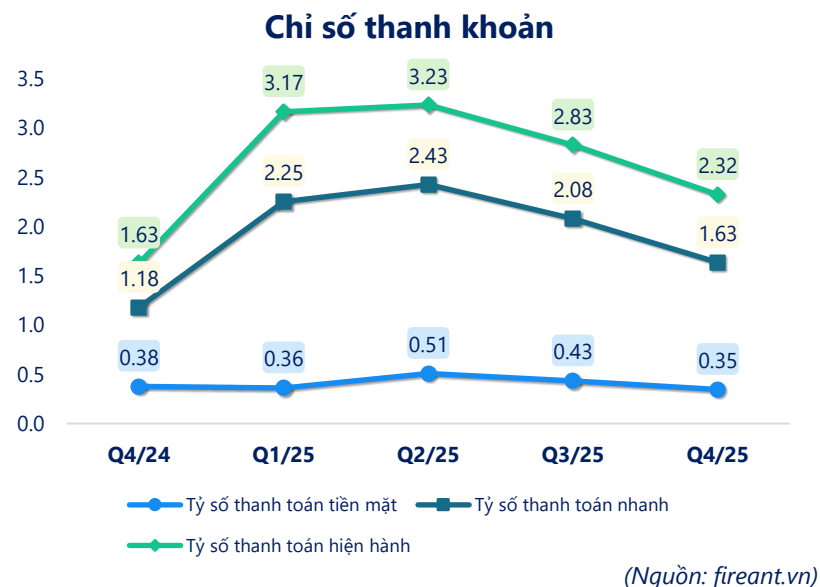
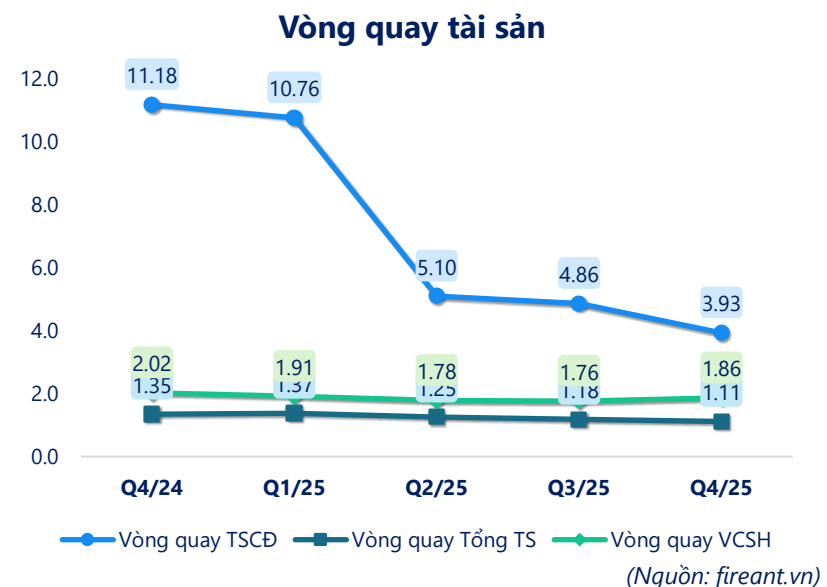
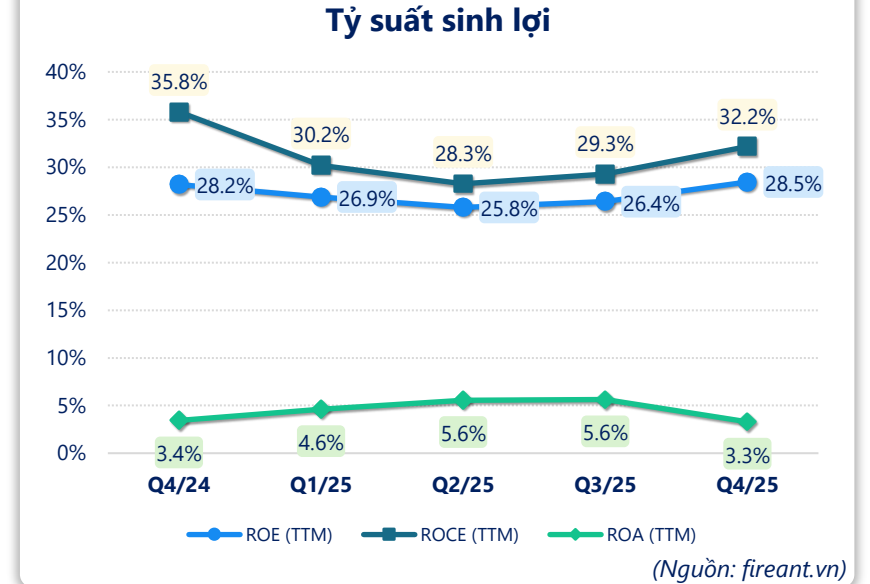
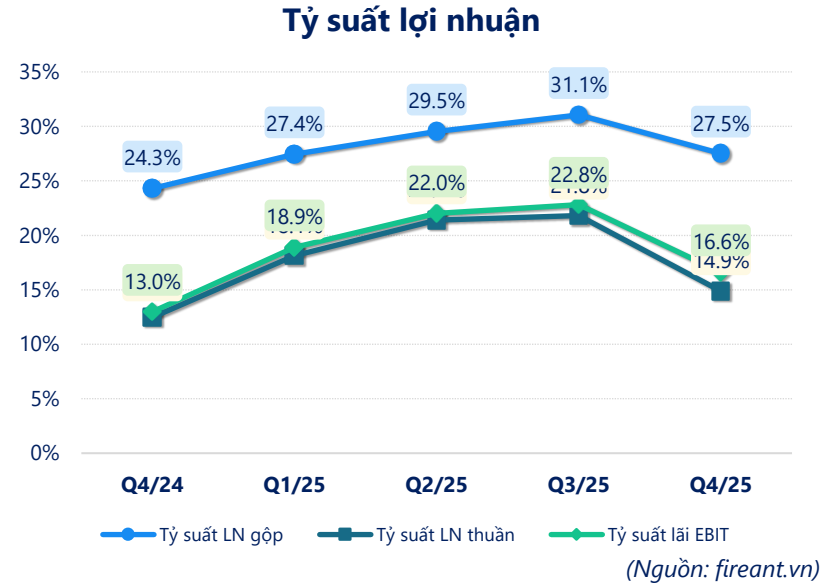
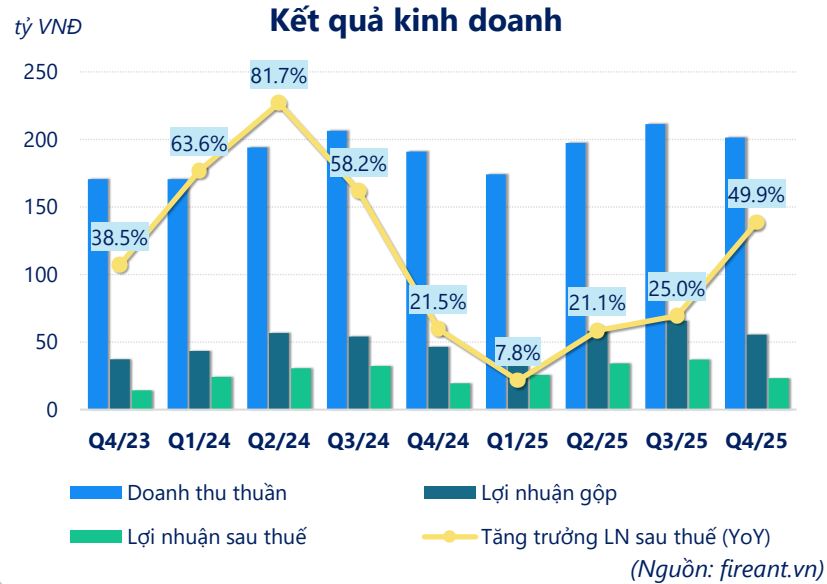


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		41,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		42,163
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		33,107
SL cổ phiếu LH		37,964,770
KLGD BQ 20 phiên (CP)		925
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,568
P/E		13.1
EPS		3,156

	YTD	1T	3T	6T
BCF	20.1%	-1.4%	11.9%	13.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	757	647	17.0%
Tài sản ngắn hạn	403	407	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	60.0	93.5	-35.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	106	74.9	40.9%
Phải thu ngắn hạn	95.9	108	-11.5%
Hàng tồn kho	120	113	6.0%
Tài sản ngắn hạn khác	21.9	17.1	28.0%
Tài sản dài hạn	354	240	47.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	329	70.7	366%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	23.1	168	-86.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	-0.55	0	
Tài sản dài hạn khác	1.73	0.85	103%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	314	251	24.8%
Nợ ngắn hạn	173	166	4.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	75.3	52.0	44.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.9	51.2	-65.1%
Nợ dài hạn	140	85.0	64.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	140	84.8	65.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	443	395	12.0%
Vốn chủ sở hữu	443	395	12.0%
Vốn điều lệ	380	339	12.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	191	174	197	211	201
Giá vốn hàng bán	145	126	139	146	146
Lợi nhuận gộp	46.4	47.8	58.3	65.6	55.4
Doanh thu HĐTC	5.09	1.28	7.30	2.81	3.92
Chi phí TC	0.94	0.86	1.73	1.38	3.22
Chi phí lãi vay	0.45	0.57	0.62	1.23	2.83
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	13.9	11.8	13.6	14.3	17.6
Chi phí QLDN	12.8	4.81	8.09	6.65	8.54
LN thuần từ HĐKD	23.8	31.6	42.2	46.1	30.0
Lợi nhuận khác	0.53	0.74	0.64	0.88	0.68
LN trước thuế	24.3	32.3	42.9	47.0	30.6
Lợi nhuận sau thuế	19.4	25.6	34.1	36.9	23.2
LNST của CĐ cty mẹ	19.4	25.6	34.1	36.9	23.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	55.6	22.4	216	38.6	42.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.5	-44.7	-8.22	-2.47	20.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-26.8	-25.8	-213	-39.0	-63.9
Tiền đầu kỳ	86.2	93.5	359	62.4	60.6
Lưu chuyển tiền thuần	7.27	-48.0	-5.38	-2.89	-1.10
Ảnh hưởng tỷ giá	1.44	0	0.03	1.03	0.52
Tiền cuối kỳ	94.9	45.4	354	60.6	60.0

(Nguồn: fireant.vn)